

Số: 28 /NQ-HĐND

Châu Thành, ngày 24 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê chuẩn điều chỉnh kế hoạch phân bổ vốn
và danh mục đầu tư xây dựng các công trình thuộc nguồn vốn
ngân sách huyện năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH
KHÓA XII, KỲ HỌP LẦN THỨ 02**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành về việc phê chuẩn kế hoạch phân bổ vốn và danh mục đầu tư xây dựng các công trình thuộc nguồn vốn ngân sách huyện năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt kế hoạch vốn và danh mục đầu tư xây dựng các công trình thuộc nguồn vốn ngân sách huyện năm 2021;

Xét Tờ trình số 274/TTr-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị phê chuẩn điều chỉnh kế hoạch phân bổ vốn và danh mục công trình đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách huyện năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến của đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn kế hoạch phân bổ vốn và danh mục công trình đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách huyện năm 2021, như sau:

I. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021 là 66.304 triệu đồng (Bằng chữ: Sáu mươi sáu tỷ ba trăm lẻ bốn triệu đồng), bao gồm:

- Vốn thu tiền sử dụng đất năm 2021: 10.000 triệu đồng.
- Vốn đầu tư tập trung năm 2021: 17.591 triệu đồng.
- Vốn năm 2020 chuyển tiếp năm 2021 để tiếp tục thanh toán: 10.950 triệu đồng.
- Vốn tỉnh bổ sung có mục tiêu năm 2021: 5.000 triệu đồng.
- Vốn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2020 chuyển sang: 17.644 triệu đồng.

- Nguồn vốn kết dư năm 2020: 3.246 triệu đồng.
- Vốn tỉnh bổ sung có mục tiêu thu tiền sử dụng đất do tỉnh quản lý 2020 chuyển sang: 1.873 triệu đồng.

II. Kế hoạch phân bổ vốn và danh mục nguồn vốn ngân sách huyện năm 2021 là 66.304 triệu đồng, phân bổ cụ thể như sau:

1. Trích 10% vốn thu tiền sử dụng đất chi đo đạt là 2.951 triệu đồng.

$(10.000 \text{ trđ} + 17.644 \text{ trđ} + 1.873 \text{ trđ}) \times 10\% = 2.951 \text{ triệu đồng.}$

2. Công trình chuyển tiếp là 22.589 triệu đồng, bao gồm:

- a) Công trình năm 2020 chuyển tiếp để thanh toán: 10.950 triệu đồng.
- b) Công trình năm 2020 chuyển tiếp để thực hiện: 11.639 triệu đồng, trong đó:
 - Lĩnh vực Giao thông: 1.415 triệu đồng, phân bổ cho 02 công trình.
 - Lĩnh vực Giáo dục-đào tạo: 490 triệu đồng, phân bổ cho 01 công trình.
 - Lĩnh vực Thể dục - Thể thao: 9.400 triệu đồng; phân bổ cho 01 công trình.
 - Thanh toán công nợ sau quyết toán dự án hoàn thành: 334 triệu đồng.

3. Công trình thực hiện năm 2021 là 19.952 triệu đồng, bao gồm:

- Lĩnh vực Giao thông: 6.234 triệu đồng, phân bổ cho 07 công trình.
- Lĩnh vực Trường học: 10.712 triệu đồng, phân bổ cho 08 công trình.
- Lĩnh vực Cơ sở vật chất văn hóa: 3.006 triệu đồng, phân bổ cho 03 công trình.

4. Nguồn vốn tạm thời chưa phân bổ là 20.812 triệu đồng, bao gồm các nguồn vốn:

- Vốn thu tiền sử dụng đất năm 2020 chuyển sang: 15.880 triệu đồng.
- Nguồn vốn kết dư năm 2020 chuyển sang: 3.246 triệu đồng.
- Vốn tỉnh bổ sung có mục tiêu thu tiền sử dụng đất do tỉnh quản lý 2020 chuyển sang: 1.686 triệu đồng

(Kèm theo Bảng chi tiết).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện:

1. Phân bổ điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách huyện trong tháng 8 năm 2021 và điều hành kế hoạch theo thẩm quyền quy định tại khoản 8 Điều 67 của Luật Đầu tư công.

2. Xây dựng và trình Hội đồng nhân dân quyết định phân bổ chi tiết phần kế hoạch vốn còn lại khi các dự án đảm bảo đủ điều kiện, thủ tục theo quy định.

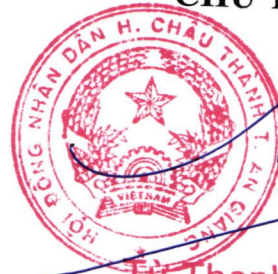
3. Chỉ đạo các Chủ đầu tư có giải pháp, kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện các dự án đảm bảo đạt hiệu quả và yêu cầu đặt ra.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành khoá XII, kỳ họp lần thứ 02 thông qua ngày 24 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2021./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tư pháp;
- VP HĐND, UBND tỉnh;
- TT. Huyện uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các ban ngành, đoàn thể cấp huyện;
- Văn phòng: Huyện uỷ, HĐND và UBND huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Từ Thanh Khiết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ.HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành)

Số TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư					Quyết định đầu tư dự án (dự kiến)					Kế hoạch vốn ngân sách huyện đối ứng giai đoạn 2016-2020	Lấy kế giải ngân vốn ngân sách huyện đối ứng giai đoạn 2016-2020	Dự kiến Kế hoạch vốn ngân sách huyện đối ứng giai đoạn 2021-2025	KHVV đầu tư năm 2021 (Theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 24/12/2020)	Nhu cầu thanh toán năm 2021	Dự kiến Kế hoạch vốn ngân sách huyện năm 2021											Giá trị tăng giảm (+tăng;-giảm)	Chỉ tiêu hành dự án	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:									Vốn ngân sách huyện													
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn khác		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn khác						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn bổ sung có mục tiêu	Vốn thu tiền sử dụng đất năm 2020	Vốn phân bổ kết dư năm 2020	Vốn bổ sung có mục tiêu (thu từ tiền sử dụng đất)	Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển tiếp năm 2021 để thanh toán						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31-23-19	32	33		
	TỔNG											783,148	269,151	70,429	3,189	9,494	6,960	130,805	27,591	80,638	66,304	66,304	17,591	10,000	5,000	17,644	3,246	1,873	10,950	38,713				
A	TRÍCH 10% VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỂ CHI ĐO ĐẶT																		1,000	2,951	2,951	2,951		1,000		1,764		187		1,951				
B	CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN NĂM 2021											650,699	197,028	44,867	3,189	-	-	117,756	24,591	25,303	19,952	19,952	5,952	9,000	5,000					-4,639				
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG											212,116	172,728	37,274	2,114	0	0	30,498	3,211	9,373	6,234	6,234	0	1,234	5,000			0		3,023				
1	Nâng cấp Tuyến Cầu Chùa - Cái Nha + công		HBT	5,480km	2021-2023							10,750	6,613	3,062	1,075			2,085	803			0								-803	BQLDA			
2	Cầu Song Sát		HBT	18 m x 4,6m	2021-2023							2,641	1,796	581	264			341	160			0								-160	BQLDA			
3	Nâng cấp Tuyến Hòa Bình Thanh - Vĩnh Lợi (từ cầu Cái Nha đến Cầu Dầu Lọ)		HBT	2,410 km	2021-2023							4,188	2,994	775	419			394	279			0								-279	BQLDA			
4	Nâng cấp Tuyến Cái Nha - Cầu treo kênh đưng 2 (giáp Vĩnh Lợi)		HBT	1,548 km	2021-2023							3,561	2,274	931	356			607	220			0								-220	BQLDA			
5	Nâng cấp Tuyến đường Nam kênh cũ		VB	6,680 km	2021-2023							11,101	9,199	1,902				893	749			0								-749	BQLDA			
6	Tuyến Thanh Niên áp Vĩnh Lộc		VB	2,514km	2021-2023							4,306	3,419	887				796	500			0								-500	BQLDA			
7	Xây dựng Cầu Phú Thọ		VB3	64 m x 4,5m	2021-2025							7,703	6,348	1,355				655	500			0								-500	BQLDA			
8	Tuyến ĐH.03 (Cầu Trá Can - Bình Chánh)		Cán Dưng	4,413 km + 02 cầu + 02 công	2021-2025							21,996	18,373	3,623				2,576		594	100	100		100						100	BQLDA			
9	Tuyến ĐH.12 (Cầu Bình Hòa -Ranh Tri Tôn)		AH-CD-VH-VB-VA	23,597 km + 02 cầu + 03 công	2021-2025							74,890	64,783	10,107				6,821	1,000	100	100		100							100	BQLDA			
10	Tuyến ĐH.06 (Mý Khánh - Ranh Tri Tôn)		VT-VN-TP-VA	21,078 km	2021-2025							43,357	34,783	8,574				4,633	1,000	100	100		100							100	BQLDA			
11	Tuyến ĐH.11 (Cầu Chợ Vàm Kinh - Cầu kênh đưng)		HBT	5,3755 km + 1 cầu	2021-2025							14,203	11,653	2,550				1,874	546	100	100		100							100	BQLDA			
12	Tuyến ĐH.08 (Cầu Đức Vĩnh Hinh - Ranh Bình Chánh)		Vĩnh Hinh	6,716 km	2021-2025							13,420	10,493	2,927				1,708	499	100	100		100							100	BQLDA			
13	Lăng nhạ huyện đường GINTT đoạn từ cầu chợ cũ đến cầu Vàm Nha		CD	1490m	2021-2022	Số 2240/QĐ-UBND ngày 14/5/2021	6,703	5,000	1,703			6,700		6,700				6,381	5,000	5,000	5,000				5,000					5,000				
14	Cầu số 10 nối tỉnh lộ 941 huyện Châu Thành với đường Nam kênh 10 huyện Châu Phú		CP-CT	Phần cầu CD 278,79m; BR 6m+0,3x2; Phần đường dẫn vào cầu 530m BR nền đường 7-8m, BR mặt đường	2021-2023	Số 2946/QĐ-UBND ngày 25/5/2021	37,421	26,219	734	10,468		37,421	26,219	734	10,468			734	734	734	734		734							734	BQLDA			
II	HỆ THỐNG ĐIỆN											18,227	3,645	3,645	10,937	-	-	1,576	1,277	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-1,277				
1	Hạ thế tuyến Cầu Chùa - Cá Nha		HBT	6,8 km	2021-2023							4,216	843	843	2,530			473	50											-50	PKT-HT			
2	Hạ thế tuyến Vàm Kinh - Kinh Dưng		HBT	7 km	2021-2023							4,340	868	868	2,604			284	50											-50	PKT-HT			
3	Hạ thế tuyến Mươn Ngươn - Mý Khánh		HBT	4,2 km	2021-2023							2,604	521	521	1,562			108	86											-86	PKT-HT			
4	Hạ thế tuyến Rạch Cạnh - Bình Đức		HBT	1,6 km	2021-2023							991	198	198	595			271	198											-198	PKT-HT			
5	Hạ thế tuyến Kênh Dưng - Trường Tiền		HBT	4 km	2021-2023							2,480	496	496	1,488			189	496											-496	PKT-HT			
6	Hạ thế tuyến Cá nha - HT5		HBT	2,8 km	2021-2023							1,736	347	347	1,042			203	347											-347	PKT-HT			

Số TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư dự án (dự kiến)				Kế hoạch vốn ngân sách huyện đã ứng giải đoạn 2016-2020	Lấy kế giải ngân vốn ngân sách huyện đã ứng giải đoạn 2016-2020	Dự kiến kế hoạch vốn ngân sách huyện đã ứng giải đoạn 2021-2025	KHIV đầu tư năm 2021 (Theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 24/12/2020)	Nhu cầu thanh toán năm 2021	Dự kiến Kế hoạch vốn ngân sách huyện năm 2021										Giá trị tăng giảm (+tăng;- giảm)	Chủ đầu tư/Điều hành dự án	Ghi chú		
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:							Vốn ngân sách huyện														
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn khác		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh						Ngân sách huyện	Nguồn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn bổ sung có mục tiêu	Vốn thu tiền sử dụng đất năm 2020	Vốn phân bổ kết dư năm 2020	Vốn bổ sung có mục tiêu (thu từ tiền sử dụng đất)	Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển tiếp năm 2021 để thanh toán					
7	Tuyến Bắc Kênh Tào Lũ		Vĩnh Bình	3 km	2021-2023							1,860	372	372	1,116			48	50												-50	PKT-HT	
III	HỆ THỐNG NƯỚC SẠCH											6,448	1,288	1,288	3,872	-	-	820	1,288	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-1,288			
1	Tuyến Ủy ban xã -HT5		HBT	1 km	2021-2023							264	53	53	158			29	53												-53	XNDN	
2	Tuyến KDC kênh đống		HBT	0,2 km	2021-2023							55	11	11	33			6	11												-11	XNDN	
3	Tuyến Nam kênh cũ (135 hộ)		Vĩnh Bình	5,5 km	2021-2023							1,447	289	289	869			157	289												-289	XNDN	
4	Tuyến Bắc Kênh Tào Lũ (85 hộ)		Vĩnh Bình	5,5 km	2021-2023							1,447	289	289	869			157	289												-289	XNDN	
5	Tuyến Nam Kênh Tào Lũ (45 hộ)		Vĩnh Bình	5,5 km	2021-2023							1,447	289	289	869			157	289												-289	XNDN	
6	Tuyến Kênh Bàu Liềm (155 hộ)		Vĩnh Bình	5,5 km	2021-2023							1,447	289	289	869			157	289												-289	XNDN	
7	Tuyến Kênh Thanh niên (Trường cấp 3 - cầu số 4) 135 hộ		Vĩnh Bình	1,3 km	2021-2023							341	68	68	205			157	68												-68	XNDN	
IV	TRƯỜNG HỌC											343,889	254,374	89,515	-	-	-	64,178	15,155	12,924	10,712	10,712	4,536	6,176	-	-	-	-	-4,443				
1	Trường MG Hòa Bình Thanh điểm chính (ấp Hòa Thành)		HBT	CT: 06P (01P tiết làm VP+YT, 01P thu làm P.HCQT+NV, 02P tiết làm P.GDNT, 02P thu làm P.GDTC. XM: 10P học + NVS khép kín 32 xã, 01 bếp, KHB (có 04P- 02P PHT và Hết trường) + NVS GV khép kín 02 xã, 01 nhà BV.	2021-2023	Số 1323/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	29,265	22,231	7,034			29,265	22,230	7,035			3,217	1,319	3,217	3,217	3,217	850	2,367								1,898	BQLDA	
2	Trường MG Hòa Bình Thanh điểm phụ (Hòa Thành)		HBT	XM: 02p học+ NVS khép kín 09 xã (có 02 xã GV), HTKT 800 m2, Công trình nước sạch, Thiết bị một các phòng, PCCC, Nhà xe giáo viên	2021-2023	Số 1093/QĐ-UBND ngày 25/5/2021	4,883	3,675	1,208			4,883	3,675	1,208			867	249	867	867	867	867									618	BQLDA	
3	Trường MG Hòa Bình Thanh điểm phụ (Hòa Hưng)		HBT	CT: NVS 04 xã GV. XM: 02p học+ NVS HS khép kín 07 xã, HTKT, Nhà xe GV, Công trình nước sạch, Thiết bị một các phòng, PCCC.	2021-2023	Số 935/QĐ-UBND ngày 06/5/2021	6,001	4,078	1,923			6,001	4,078	1,923			1,548	243	1,548	1,548	1,548	548	1,000								1305	BQLDA	
4	Trường TH A Hòa Bình Thanh điểm chính (Hòa Thành)		HBT	CT: 12p học, Dời 03p tiền chế làm nhà xe GV+HS và NVS HS 10 xã. XM: 10p học, 05p BM+NVS khép kín 30 xã, thư viện, KHB (có 06p)+ NVS GV khép kín 02 xã, Nhà BV, HTKT, SLMB, 02 p kho +TB, Công trình nước sạch, Thiết bị một các phòng, PCCC. BS TB: 03P học/12	2021-2023	Số 1338/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	39,881	29,708	10,173			39,881	29,708	10,173			6,220	2,000	3,350	3,046	3,046	583	2,463								1,046	BQLDA	
5	Trường TH A Hòa Bình Thanh (Điểm Phụ, ấp Hòa Thuận)		HBT	CT: 04p học, NVS HS 04 xã; XM: NVS 03 xã (có 02 xã GV), Nhà xe GV+HS, HTKT, Công trình nước sạch, PCCC. BS TB: 01P học/04 P học cải tạo	2021-2025	Số 562/QĐ-UBND ngày 19/3/2021	3,228	2,465	763			3,228	2,465	763			538	171	538	538	538	538									367	BQLDA	
6	Trường THCS Hòa Bình Thanh điểm phụ (Hòa Hưng)		HBT	CT: 04p học và NVS GV 04 xã, nhà xe GV+HS, HTKT. XM: 04p học, NVS HS 20 xã (có 01 xã GV khép kín phòng học), Công trình nước sạch và thiết bị một các phòng, PCCC.	2021-2023	Số 1175/QĐ-UBND ngày 01/6/2021	8,995	7,171	1,824			8,995	7,171	1,824			1,196	570	1196	1,196	1,196	850	346								626	BQLDA	

Số TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư dự án (dự kiến)				Kế hoạch vốn ngân sách huyện năm 2021	Dự kiến kế hoạch vốn ngân sách huyện năm 2021	KHIV đầu tư năm 2021 (Theo Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 24/12/2020)	Nhu cầu mua sắm hàng hóa năm 2021	Dự kiến kế hoạch vốn ngân sách huyện năm 2021						Giá trị tăng giảm (+tăng- giảm)	Chú thích đầu tư khác	
						Số quyết định phê duyệt, thẩm định, phê duyệt đầu tư	Trong đó:			Kế hoạch vốn ngân sách huyện năm 2021	Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Trong đó:														
							Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách khác	Đầu tư cấp trung					Vốn thu tiền sử dụng đất năm 2020	Vốn thu tiền sử dụng đất năm 2020	Vốn bù mục tiêu năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển tiếp năm 2021 để thực hiện					
5	Nâng cấp, cải tạo điểm sinh hoạt văn hóa ấp Hòa Hưng		HBT		Diện tích khu đất 82 m ² . Diện tích NC: 40m ² . Xây mới mái che; Sân chơi; Xây mới công – hàng rào	2021-2023				307	215	92				0	0						-92	BQLDA		
6	Nâng cấp, cải tạo điểm sinh hoạt văn hóa ấp Hòa Thuận		HBT		Diện tích khu đất 450 m ² . Diện tích NC: 50m ² . Xây mới mái che; Sân chơi; Xây mới công – hàng rào	2021-2023				999	699	300				0	0							-300	BQLDA	
7	Trung tâm văn hóa thể thao xã Hòa Bình		HBT		Phòng chức năng + sân bóng + Hội trường sân bóng đá	2021-2023	Số 1256/QĐ-UBND ngày 09/6/2021	5.050	4.000	2.235							1.668	1.668	316	1.352				1.105	BQLDA	
8	Nâng cấp, cải tạo điểm sinh hoạt văn hóa ấp Vĩnh Phước		Vĩnh Bình		Xây mới 70m ² . Xây mới mái che; Sân chơi; Xây mới công – hàng rào (Cải tạo 2019)	2021-2023				491	122	369				0	0							-152	BQLDA	
9	Nâng cấp, cải tạo điểm sinh hoạt văn hóa ấp Vĩnh Thọ		Vĩnh Bình		Diện tích khu đất 90m ² . Diện tích NC: 47m ² . Xây mới mái che; Sân chơi; Xây mới công – hàng rào	2021-2023				1.035	503	532				0	0							-215	BQLDA	
10	Nâng cấp, cải tạo điểm sinh hoạt văn hóa ấp Vĩnh Lạc		Vĩnh Bình		Diện tích khu đất 141,5 m ² . Diện tích NC: 40m ² . Xây mới mái che; Sân chơi; Xây mới công – hàng rào	2021-2023				460	322	138				0	0								-138	BQLDA
11	Nâng cấp, cải tạo điểm sinh hoạt văn hóa ấp Phước Thuận		Vĩnh Bình		Diện tích khu đất 105 m ² . Diện tích NC: 62m ² . Xây mới mái che; Sân chơi; Xây mới công – hàng rào	2021-2023				277	194	83				0	0								-43	BQLDA
12	Xây mới TT VH Thể thao TT. Vĩnh Bình		Vĩnh Bình			2021-2023				7.140	3.993	3.147				0	0								-378	BQLDA
13	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện				DT khu đất 727m ² . Hội trường + khu nhà làm việc + HTKT + thiết bị	2021-2023	Số 497/QĐ-UBND ngày 11/03/2021	36.965	21.256	15.709							1.100	1.100	1.100						1.100	BQLDA
14	Xây dựng mới sân bóng đá mini xã An Hòa		AH		422,66 m ²	2019-2021	Số 2946/QĐ-UBND ngày 25/5/2021	638	400	238							238	238	238						238	BQLDA
VI	TRỤ SỞ, CƠ QUAN LÀM VIỆC									13.713	10.652	3.061				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-1.095	
I	Nâng cấp mở rộng trụ sở UBND TT. Vĩnh Bình		Vĩnh Bình		Cải tạo hiện trạng -XM thiết kế dự án	2021-2023				9.750	7.392	2.358				0	0								-728	BQLDA
2	Nâng cấp, cải tạo trụ sở UBND xã Hòa Bình Thuận		HBT			2021-2023				3.963	3.260	703				0	0								-367	BQLDA
C	CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP									132.449	72.123	25.562	-	9.494	6.560	13.049	2.000	24.573	22.589	11.639	-	-	-	-	20.589	BQLDA
I	CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP ĐỂ THANH TOÁN															-	11.524	10.950	10.950						10.950	BQLDA
II	CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP ĐỂ THỰC HIỆN																									
II.1	Lĩnh vực giao thông									132.449	72.123	25.562	-	9.494	6.560	13.049	2.000	13.049	11.639	11.639	-	-	-	-	9.639	BQLDA
1	Tuyến giao thông nông thôn Vĩnh Lợi – Vĩnh Nhuận – Tân Phú		VL-VN-TP		Đường 1155m + 04 cầu BTCT	2016-2021	2234/QĐ-UBND ngày 21/09/2020	43.764	35.070	8.694							1.201	1.201	1.201	1.201					1.201	BQLDA
2	Tuyến đường GTNT An Hòa – Cầu Đàng		AH-CD		Đường 3.000m + 01 cầu BTCT	2016-2020	3194/QĐ-UBND ngày 26/10/2017	9.698	8.015	1.683							214	214	214	214					214	BQLDA
II.2	Cận dân cư									4.670	-	4.670	-	2.000	1.686	1.900	-	1.900	-	-	-	-	-	-	-	-

Số TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư dự án (dự kiến)				Kế hoạch vốn ngân sách huyện đối ứng giai đoạn 2016-2020	Lý do giải ngân vốn ngân sách huyện đối ứng giai đoạn 2016-2020	Dự kiến Kế hoạch vốn ngân sách huyện đối ứng giai đoạn 2021-2025	KHV đầu tư năm 2021 (Theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 24/12/2020)	Nhu cầu thanh toán năm 2021	Dự kiến Kế hoạch vốn ngân sách huyện năm 2021										Giá trị tăng giảm (+tăng;-giảm)	Chủ đầu tư/Điều hành dự án	Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó:							Vốn ngân sách huyện															
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn khác		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh						Ngân sách huyện	Nguồn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:												
																						Tổng số	Dầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn bổ sung có mục tiêu	Vốn thu tiền sử dụng đất năm 2020	Vốn phân bổ kết dư năm 2020	Vốn bổ sung có mục tiêu (thu từ tiền sử dụng đất)				Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển tiếp năm 2021 để thanh toán		
3	Cụm dân cư Hoà Bình Thanh (Hạng mục: Nhà ở công cho, hệ thống PCCC và chống sét, hạ tầng kỹ thuật)	7831338	HBT	Nhà ở công + HTKT + PCCC	2020-2021					QĐ 236/QĐ-UBND ngày 07/5/2020	4,670		4,670		2,000	1,686	1,900	1,900	-	-							-	BQLDA						
IL3	Giáo dục - đào tạo						30,600	23,122	7,478			34,764	26,677	8,087		4,725	4,539	490	0	490	490	490	490	0	0		0	490						
1	Trường THCS Quận Cơ Thành			DT: 1.400 m2, xây mới; 07PH-03PH bộ môn +thư viện+ PCN + CT Phụ + HTKT, TB	2016-2021	Số 09/QĐ-UBND ngày 03/01/2017	30,600	23,122	7,478		Số 296/QĐ-UBND ngày 12/02/2020	34,764	26,677	8,087		4,725	4,539	490	490	490	490						490							
IL4	Thể dục - Thể thao											39,732	30,300	9,432	-	-	-	9,400	2,000	9,400	9,400	9,400	9,400	-	-		-	7,400						
1	Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành		TT.AC	Cổng, hàng rào song sắt: 212m;Hàng rào xây tường: 69m;Nhà bảo vệ: 9m2;Bể nước ngầm: 40m3;Hạ tầng kỹ thuật:	2016-2021						Số 810/QĐ-UBND ngày 10/04/2019	39,732	30,300	9,432			9,400	2,000	9,400	9,400	9,400	9,400					7,400							
IL5	Thanh toán công nợ sau quyết toán dự án hoàn thành các công trình																334	334	334	334	334						334							
D	NGUỒN VỐN CHƯA PHÂN BỐ																27,811	20,812	20,812					15,880	3,246	1,686		20,812						